

Phát triển nhanh một số công nghệ trọng điểm, tiên tiến của TP.HCM giai đoạn 2006 - 2010

Thạc sĩ NGUYỄN QUỐC TÙNG

Xu thế toàn cầu hóa là không thể đảo ngược, nó tác động rất mạnh tới quan hệ cạnh tranh khốc liệt trên thị trường. Gia nhập vào sân chơi mang tính quốc tế lúc này, có nhiều cái lợi song thách thức không nhỏ, đòi hỏi mỗi doanh nghiệp, mỗi nước luôn phải tự làm mới và vươn lên không ngừng.

Ảnh Hòa Tấn



I. Đặt vấn đề

Trải qua gần 20 năm đổi mới VN nói chung, TP.HCM nói riêng đã đạt được những thành tựu nổi bật trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, đặc biệt trong ngành sản xuất hàng hóa - nhất là các sản phẩm VN chất lượng cao. Tạo được dấu ấn theo thời gian trong người tiêu dùng trong nước và kể cả với ngoài nước. Đạt được những thành tựu đó chúng ta không thể không nói tới vai trò quyết định của khoa học và công nghệ và biến đổi mau lẹ của nó.

TP.HCM là trung tâm kinh tế, công nghiệp năng động và lớn nhất

nước, là cửa ngõ giao thương quốc tế thuận lợi, có điều kiện thu hút, khai thác các nguồn lực đầu tư, phát triển.

So với cả nước, TP.HCM chỉ chiếm 6% diện tích tự nhiên, khoảng 7% dân số, nhưng đã đóng góp tới 18,5% GDP của cả nước, chiếm khoảng 29% giá trị sản xuất công nghiệp, ¼ tổng mức bán lẻ hàng hóa dịch vụ, 38% kim ngạch xuất khẩu và gần 1/3 tổng thu ngân sách quốc gia. Đặc biệt TP.HCM thể hiện vai trò trung tâm công nghiệp, thương mại, dịch vụ thu hút rất lớn các nguồn lực trong và ngoài nước, thúc đẩy quá

trình CNH, HĐH thành phố và là động lực phát triển cho cả nước và đi tiên phong trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Trong bối cảnh chung của công cuộc phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố, đặc biệt trong giai đoạn tăng tốc CNH, HĐH và đạt được kế hoạch đặt ra từ nay đến 2010 vô cùng quan trọng, đó là:

- + Tốc độ tăng trưởng GDP là 11,5 - 12,5%/năm các ngành kinh tế:
- Nông nghiệp (KV I): 3%
- Công nghiệp (KV II): 12 - 12,5%
- Dịch vụ (KV III): 11 - 12,5%

Như vậy, nhiệm vụ của ngành công nghiệp (khu vực II) đóng vai trò then chốt, công nghiệp phát triển giúp cho KV I tăng năng suất, sản lượng, giảm được tỷ trọng toàn nền kinh tế. Ngược lại, khu vực dịch vụ sẽ được cải thiện và tăng tỷ trọng trong nền kinh tế, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của toàn thành phố.

Vấn đề đặt ra ở đây là: Trong quá trình phát triển ngành công nghiệp thì việc lựa chọn tập trung ưu tiên những loại công nghệ nào, hiện đại, tiên tiến ra sao và kèm theo những tiêu chí, điều kiện gì để có bước đột phá tăng tốc quá trình hiện đại hóa nền kinh tế - kỹ thuật của TP trong giai đoạn 2006 - 2010. Đặc biệt tạo ra bước đột phá về chất lượng, năng suất và cạnh tranh được trên thị trường quốc tế trong bối cảnh nền kinh tế thế giới đang được thực hiện lộ trình toàn cầu hóa và nhất thể hóa.

II. Đặc điểm chuyển giao công nghệ

Để hiện đại hóa nền kinh tế - kỹ thuật của mình, tất cả các nước kém và đang phát triển đều phải trải qua thời kỳ "truy lĩnh" chặng đường công nghiệp hóa. Trong giai đoạn đầu của chặng đường này đều phải sản xuất hàng hóa hướng về xuất khẩu. Các nước đi trước ta, đó là khối ASEAN, NIC đều phải trải qua lộ trình ban đầu tập trung công nghệ thu hút nhiều nhân công (giai đoạn thâm dụng lao động) - loại công nghệ có qui mô vốn trung bình, tay nghề vừa phải. Đó là các ngành dệt - may, giày - da, giấy

và một số mặt hàng, tiêu dùng khác.... Sau khi có tích lũy, môi trường xây dựng và phát triển kinh tế dần được cải thiện, nhận thức, cùng trình độ văn hóa dân trí cũng được nâng cao. Các nước này chuyển sang giai đoạn sử dụng công nghệ cao hơn (giai đoạn thâm dụng vốn - kỹ thuật), ứng dụng vào các ngành như luyện kim, đóng tàu, máy điện, v.v.... Do đó chính sách công nghệ - công nghiệp cũng được dần dần chuyển sang kết hợp từ chỗ chỉ nhập ngoại, tiến tới thích nghi - phát triển công nghệ mới.

Vào đầu thập niên 80 - 90, cuộc cách mạng KH - CN có nhiều biến đổi mau lẹ, đã chi phối và là động lực phát triển xuyên quốc gia. Đặc biệt là làn sóng đổi mới công nghệ, buộc các quốc gia phát triển nhanh như NIC và các nước phát triển phải tái cấu trúc lại ngành công nghiệp. Bởi vậy, họ chuyển các công nghệ thâm dụng lao động và vốn vào các nước như khối ASEAN, VN và cả Trung Quốc.

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, các chuyển dịch nhìn thấy được về cơ cấu và công nghệ nêu trên chỉ là trường hợp cụ thể, hình thức cụ thể trong bối cảnh cụ thể, cốt lõi vấn đề ở đây là thực thi một chính sách công nghệ nhất quán của các nước NICs và khối ASEAN. Họ triệt để theo đuổi quan điểm chuyển giao công nghệ gắn với nhu cầu thực tế của mình và gắn với nhu cầu thị trường, khả năng cạnh tranh của các sản phẩm làm ra trong điều kiện hưởng về xuất khẩu. Tận dụng mọi lợi thế của mình, đồng thời thực hiện chiến lược công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu, các nước Đông Nam Á và NIC du nhập có lựa chọn luồng công nghệ từ các nước phát triển và sản xuất các sản phẩm đủ sức cạnh tranh và xuất khẩu ngược sang thị trường tư bản phát triển.

Để đảm bảo cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành công, các nước Đông Nam Á, NIC, hay như Nhật vào thời kỳ thập kỷ 50 - 70 họ quản lý rất chặt các dòng công nghệ du nhập vào nội địa. Thời kỳ đầu vẫn thực hiện chính sách xuyên suốt của quá trình phát triển công nghiệp - công nghệ, đó là: nhập công nghệ có lựa chọn - thuần hóa - thích nghi - làm chủ - phát triển - sáng tạo ra công nghệ

mới. Đây là qui trình nghe chừng không mới, song hiểu và nắm bắt thuần thực và thực hiện triệt để nghiêm túc và đạt được thành công một cách thần kỳ như Nhật, hay Hàn Quốc thì không phải nước nào cũng làm được.

Xu thế toàn cầu hóa là không thể đảo ngược, nó tác động rất mạnh tới quan hệ cạnh tranh khốc liệt trên thị trường. Gia nhập vào sân chơi mang tính quốc tế lúc này, có nhiều cái lợi song thách thức không nhỏ, đòi hỏi mỗi doanh nghiệp, mỗi nước luôn phải tự làm mới và vươn lên không ngừng, bởi lẽ: qui mô thị trường mở rộng, nhiều người, nhiều nước tham gia, thông tin kinh tế và công nghệ phong phú và luôn biến động. Thời cơ phát triển nhanh và rủi ro, cạm bẫy đều có thể gặp bất cứ lúc nào. Để giảm thiểu rủi ro, nắm bắt thời cơ thuận lợi, đòi hỏi các nước luôn đổi mới công nghệ và đã trở thành hiện tượng khá phổ biến trên thế giới trong giai đoạn phát triển hiện nay.

Tóm lại, ngay nay công nghệ đang thay đổi rất nhanh, đó không chỉ là thời cơ mà là một thách thức ghê gớm. Sẽ là thời cơ đối với những người làm chủ được công nghệ và để tung ra thị trường những sản phẩm mới đáp ứng được các yêu cầu trong tương lai của người tiêu dùng. Sẽ là thách thức, thậm chí là sự đe dọa, thậm chí là nguy cơ lớn đối với những doanh nghiệp chậm hoặc không có "tầm nhìn" về sự thay đổi thị hiếu tiêu dùng và cũng không có được công nghệ cần thiết cho quá trình sáng tạo ra sản phẩm mới thích ứng.

Thấy trước được các yêu cầu của người tiêu dùng trong tương lai, xác định rõ các sản phẩm đáp ứng được các yêu cầu đó và có được công nghệ cần để tạo ra sản phẩm mới và nếu cần tiến hành các hoạt động R & D sẽ tạo ra các công nghệ mới. Đó chính là quá trình "Lộ trình công nghệ". Ngày nay "lộ trình công nghệ" là công cụ quản lý giúp liên kết công nghệ với sản phẩm và sản phẩm với thị trường.

III. Thực tiễn ở VN và TP.HCM

Theo kết quả điều tra mới đây nhất của Viện quản lý kinh tế TW (CIEM) và tổ chức UNDP (Dự án

VIE/01/025, năm 2004), kết quả điều tra của 2 ngành dệt may và hóa chất cho thấy:

- Trong số 35 DN hóa chất được khảo sát thì có 11,4% dùng thể hệ máy móc từ 1970; 34,3% là thể hệ năm 80 và 62,9% là thể hệ 90.

- Ngành dệt 30 đơn vị được khảo sát thì có 20% sử dụng thiết bị máy móc thể hệ 70; 37% thể hệ 80 và 53% thể hệ 90.

- Ngành may có 35 đơn vị được khảo sát thì có 46% thiết bị thể hệ 80 và 54% là thể hệ 90.

Cuộc điều tra cũng có kết luận:

+ Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có khả năng vốn và nguồn cung cấp công nghệ từ nước ngoài, có điều kiện dễ dàng nắm bắt thông tin công nghệ cũng như chuyển giao công nghệ, do vậy các dây chuyền sử dụng ở các doanh nghiệp này đạt mức tiên tiến và có tính đồng bộ cao so với các nước trong khu vực và trên thế giới, 41% sử dụng thiết bị có tính đồng bộ cao, còn lại là mức trung bình.

+ Các DNTN chủ yếu qui mô nhỏ, hoạt động chủ yếu dựa trên vốn tự có, ít nhận được sự trợ tài chính, thông tin từ bên ngoài, do đó không đủ khả năng đầu tư công nghệ tiên tiến. Do có 43 DNTN thì chỉ có 16,3% là sử dụng dây chuyền công nghệ và 11,6% là tính đồng bộ thấp và cũng theo kết quả cuộc khảo sát này thì trình độ công nghệ thuộc 2 ngành được khảo sát cũng rất khác biệt giữa TP.HCM và TP Hà Nội. Các doanh nghiệp ở TP.HCM sử dụng dây chuyền công nghệ thuộc thể hệ 90 cao hơn so với các doanh nghiệp Hà Nội (63% so 50%). Tuy nhiên tỷ lệ sử dụng thể hệ 70 của các DN TP.HCM cũng cao hơn Hà Nội (14% so với 5%).

Tóm lại, kết quả khảo sát cho thấy trình độ máy móc thiết bị của các doanh nghiệp nhìn chung đạt mức trung bình tiên tiến. Thiết bị tự động và bán tự động trong dây chuyền công nghệ tính trung bình cho một doanh nghiệp đạt mức 50%.

Xét từ góc độ cộng đồng doanh nghiệp nói chung, đổi mới công nghệ là quá trình bao gồm nhiều hoạt động khác nhau như R & D, đổi mới qui trình sản xuất (thay thế, mua mới, cải

tiến) và hoạt động đổi mới sản phẩm (thiết kế dây sản phẩm mới, tạo thương hiệu riêng). Mục đích của đổi mới công nghệ là nâng cao, nâng cao năng lực, trình độ công nghệ của doanh nghiệp, qua đó nhằm cải thiện chất lượng, năng suất, hạ giá thành, tạo ra thương hiệu mạnh và đạt được hiệu quả kinh doanh, sản phẩm cạnh tranh được trên thương trường kể cả trong và ngoài nước.

Trong tiến trình hội nhập, sức ép cạnh tranh rất gay gắt, đa số doanh nghiệp VN nhận thức được việc đổi mới công nghệ thì mới có cơ hội tồn tại. Trong thời gian qua, nhiều doanh nghiệp cả nước cũng như của TP.HCM đã đầu tư đổi mới công nghệ, song qui mô chưa lớn, chưa đều và rất khác biệt theo từng loại hình doanh nghiệp. Trong 2 ngành hóa chất và dệt may được khảo sát thì doanh nghiệp đầu tư nước ngoài vì có ưu thế về tiếp cận công nghệ mới dễ dàng hơn nên họ lại tập trung vào khâu nguồn nhân lực phải được lưu ý, và năng lực thiết kế đổi mới sản phẩm mới. Còn doanh nghiệp nhà nước lại tập trung vào các khâu đổi mới công nghệ như: cải tiến dây chuyền công nghệ hiện tại, đầu tư mới dây chuyền công nghệ, máy móc thiết bị, nghiên cứu thiết kế, sản phẩm mới và họ coi nhẹ bố trí lại sản xuất và khâu tuyển dụng con người. Còn doanh nghiệp tư nhân lại coi trọng khâu nghiên cứu thiết kế sản phẩm mới, cải tiến dây chuyền sản xuất công nghệ, hiện tại, đầu tư mới dây chuyền công nghệ máy móc thiết bị và bố trí lại tổ chức sản xuất và họ coi nhẹ khâu đào tạo nguồn nhân lực, điều này lý giải sự khác biệt về nhận thức, điều kiện cụ thể của từng loại hình doanh nghiệp ở nước ta.

IV. Lựa chọn & đề xuất

Lựa chọn, đề xuất ưu tiên tập trung phát triển nhanh một số công nghệ trọng điểm, tiên tiến có tác động gia tốc quá trình hiện đại hóa kinh tế kỹ thuật TP giai đoạn 2006 – 2010 là một điều không dễ dàng, đòi hỏi sự nghiên cứu công phu, cẩn trọng, tỉ mỉ. Điều này chỉ có thể có được kết quả tương đối khi tiến hành khảo sát doanh nghiệp công nghiệp trên địa

bàn đang sản xuất kinh doanh các mặt hàng, các sản phẩm có tính cạnh tranh cao và đang được xuất khẩu với số lượng lớn trên khắp thị trường trong nước và thế giới.

Với quan điểm xuất phát như trên, việc lựa chọn, đề xuất ưu tiên một số công nghệ trọng điểm, tiên tiến sẽ dựa vào bối cảnh, điều kiện nào và các tiêu chí lựa chọn ra sao là những vấn đề chúng ta cần bàn tới sau đây:

4.1. Bối cảnh và điều kiện:

Bối cảnh: Trong xu thế phát triển mạnh mẽ và sâu sắc của cuộc cách mạng công nghiệp và biến đổi mau lẹ của khoa học và công nghệ hiện nay. Các nước công nghiệp phát triển đều có nhu cầu điều chỉnh và đổi mới cơ cấu kinh tế trong nước, chuyển vốn ra nước ngoài để đầu tư, xuất khẩu công nghệ tới các nước đang phát triển. Mặt khác, các nước đang phát triển, công nghiệp mới cũng có nhu cầu tái cấu trúc lại ngành công nghiệp cho phù hợp giai đoạn phát triển mới. Họ đều tham gia vào xuất khẩu công nghệ. Như vậy, thị trường công nghệ rất đa dạng, khả năng lựa chọn, với tới nguồn công nghệ là thuận lợi đối với nước đi sau như VN.

Điều kiện: Khác với các nước công nghiệp mới (NICs) châu Á và những thập niên 60 và 70. Do phát triển muộn, TP.HCM và cả nước chịu sức ép rất lớn trong cạnh tranh kinh tế. Thị trường thế giới nay đã được phân định tương đối rõ ràng. Lợi thế cạnh tranh bấy giờ không còn nằm vào chủ yếu nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú hoặc nguồn nhân lực rẻ mà nghiêng hẳn về tri thức và công nghệ.

Tuy vậy, lịch sử đã chứng minh rằng, dù xuất phát điểm thấp, đi sau nhưng có chủ trương, chính sách đúng đắn, kịp thời, chúng ta có thể hoàn toàn bỏ qua giai đoạn công nghệ thượng nguồn, trung gian để đi ngay vào các công nghệ tiên tiến hiện đại ở những lĩnh vực, những giai đoạn, những khâu quan trọng nhằm gia tốc nền kinh tế, sớm bắt kịp xu thế chung của thế giới.

Nhưng, chúng ta cũng phải soi xét thật kỹ là hiện nay ta đang đứng ở đâu ở giai đoạn nào của quá trình phát

triển kinh tế? Phải nhận rõ điều này thì chúng ta mới lựa chọn ra được các tiêu chí công nghệ. Nếu theo thuyết phát triển kinh tế của nhà kinh tế học người Anh Colin Clark, ông chia nền kinh tế ra 3 khu vực:

- KV I: nông – lâm – ngư nghiệp

- KV II: công nghiệp + xây dựng cơ bản

- KV III: dịch vụ

Còn nhà kinh tế học W.W. Rostow lại chia kinh tế ra 5 giai đoạn phát triển:

1) Giai đoạn xã hội cổ truyền (Năng suất lao động thấp, vật chất thiếu thốn, xã hội kém linh hoạt, nông nghiệp đóng vai trò chủ yếu).

2) Giai đoạn chuẩn bị tiền cất cánh (tồn tại song song kinh tế KV I và KV II có sự phân bố lại lực lượng lao động...).

3) Giai đoạn cất cánh: (cơ sở vật chất tăng nhanh, kinh tế phát triển ở trình độ cao hơn, dịch vụ nhanh như là nhân tố mới...).

4) Giai đoạn trưởng thành về công nghệ (xuất hiện nhiều ngành công nghiệp hiện đại, như luyện kim, điện tử - cơ điện, công nghệ thông tin, sinh học, v.v...).

5) Giai đoạn thỏa mãn nhu cầu ở mức cao của đa số dân cư (Năng suất lao động cao, của cải, vật chất dồi dào, cung lớn cầu, v.v...).

Theo học thuyết nêu trên, chúng ta có thể lựa chọn chỗ đứng hiện tại mà nền kinh tế của TP.HCM nói riêng và cả nước nói chung đang phát triển. Riêng TP.HCM chúng ta có thể kết hợp rút ngắn giai đoạn II, kết hợp giai đoạn III để rút ngắn và có thể đi tắt, đón đầu, bắt kịp một số nước trong khu vực, về một số lĩnh vực sản phẩm công nghiệp xương sống.

4.2. Quan điểm lựa chọn, đề xuất:

Cho đến nay, vẫn tồn tại hai xu hướng khác nhau, đó là xu hướng xây dựng nền kinh tế thị trường song nhấn mạnh yếu tố tự lực, tự cường, có nghĩa là phải tự sản xuất được từ ô tô, tàu thủy, máy bay, tên lửa, v.v... và xu hướng khác là chỉ làm những gì tạo ra lợi nhuận cao, cạnh tranh được, còn lại các thứ khác có thể mua được trên thị trường thế giới, nếu có đủ tiền.

Xét dưới góc độ tư duy kinh tế,

thì đây là vấn đề rất hệ trọng vì có tác động rất lớn khi đặt vấn đề làm dự báo cho phát triển ngành công nghiệp nói riêng và chiến lược phát triển kinh tế nói chung. Ngoài ra, khi xây dựng "lộ trình công nghệ" để có thể "nhìn thấy công nghệ" trong kế hoạch ngắn hạn đều bị xáo trộn.

TP.HCM là một thành phố có đặc thù riêng, được thừa hưởng truyền thống mà kinh tế thị trường từ lâu, vốn rất năng động, đóng góp rất lớn cho kinh tế cả nước. Chiến vị trí đặc biệt như vậy, để tiếp tục "đi trước" trong công cuộc CNH, HĐH có lẽ TP phải có cách đi riêng, nhất là lựa chọn phát triển công nghệ để hiện đại hóa nền kinh tế TP.

Như phân tích ở trên, TP.HCM theo tôi nên chọn xu hướng thứ hai có kết hợp linh hoạt xu hướng một, tùy từng ngành cụ thể, sản phẩm cụ thể, để có bước lựa chọn thích hợp cho "lộ trình công nghệ".

Sự thay đổi môi trường công nghiệp hiện nay của TP.HCM rất thích hợp cho phương án lựa chọn nhập công nghệ theo qui trình sau:

Nhập công nghệ -> thuần hóa -> thích nghi -> làm chủ -> đổi mới và sáng tạo.

Khi ta nắm chắc vòng đời công nghệ sẽ có 3 giai đoạn: ra đời -> phát triển vững chắc -> trưởng thành và thực tế trải qua mấy thập kỷ, vòng đời này diễn ra đúng với quỹ đạo công nghệ của các nước công nghiệp phát triển. Như vậy, cách chọn phù hợp cho cả nước ta nói chung và thành phố nói riêng là theo chiều ngược lại: trưởng thành - vững chắc - mới ra đời. Dĩ nhiên, ở đây phải hiểu rất linh hoạt, tùy loại công nghệ, chúng ta có thể đi ngay vào giai đoạn mới phát triển để đáp ứng yêu cầu của quá trình hiện đại hóa nền công nghiệp, tạo ra bước đột phá sáng tạo mang dấu ấn của một trung tâm công nghiệp - dịch vụ hàng đầu của cả nước.

V. Đề xuất & kiến nghị

Qua phân tích hệ thống tiếp cận toàn diện trên đây, có thể cũng chưa có cách nhìn một cách đầy đủ, toàn diện về ngành công nghiệp thành phố. Song tôi mạnh dạn đề xuất, kiến

nghị thành phố nên tập trung vào một số công nghệ trọng điểm sau đây để lựa chọn, ưu tiên (một số, một khâu, một công đoạn) trong hàng loạt hệ thống đồng bộ công nghệ của các ngành sau:

a) Công nghệ cơ - điện tự động - kỹ thuật số.

b) Công nghệ hóa chất công nghiệp.

c) Công nghệ sinh học phục vụ phát triển giống - cây - con.

Tiêu chí căn bản để lựa chọn công nghệ cho 3 nhóm ngành trên là: dựa vào nhu cầu thị trường (qui mô và yêu cầu số lượng tiêu thụ lớn, dài hạn) và đầu ra rõ ràng có lợi thế cạnh tranh được, ổn định.

- Sản phẩm hiện nay đang xuất khẩu và chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu xuất khẩu. Giá trị xuất khẩu hàng tỷ USD và có triển vọng tăng lên hàng năm, thị trường có xu hướng mở rộng, v.v...

Dựa vào 2 tiêu chí này, chúng ta chọn công nghệ hiện đại, đồng bộ đầu tư cho ngành dệt - may, giày da, thủy sản, chế biến nông sản TP tạo ra "chiến lược tăng tốc". Với mục tiêu tăng trưởng xuất khẩu của TP đến 2010 khoảng 10 tỷ USD (tốc độ tăng trưởng xuất khẩu khoảng 15%/năm - không kể dầu thô). Trong 10 tỷ USD này có khoảng 3 tỷ là của ngành dệt - may, đây là ngành đóng vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế thành phố, ngành có lợi thế so sánh, giải quyết số lao động lớn. Muốn gia tăng giá trị xuất khẩu, chúng ta phải đầu tư công nghệ hiện đại cho ngành dệt để giảm phụ thuộc về nguyên phụ liệu, chủ động trong sản xuất kinh doanh. Tập trung đầu tư công nghệ dệt, nhuộm đồng bộ hiện đại, đầu tư công nghệ thiết bị hiện đại - sản xuất các mặt hàng phụ trợ cho ngành may và giày da (ở đây lưu ý công nghiệp phụ trợ này rất cần, sẽ chủ động, giá trị gia tăng tăng cao, sản xuất với số lượng rất lớn, hàng triệu sản phẩm, thậm chí phục vụ cho toàn ngành, vì riêng ở TP.HCM ngành dệt - may đã chiếm tới 40% năng lực cả nước. Công nghệ hóa chất ở đây là công nghệ nhuộm, hóa chất phục vụ cho các ngành này).

Ngành thủy hải sản, dự kiến đến

2010 cả nước phải đạt con số xuất khẩu lên tới vài tỷ, dệt - may khoảng 10 tỷ USD, giày - da cũng vài tỷ USD. Như vậy xứng đáng ưu tiên tập trung đổi mới công nghệ tiên tiến cho các ngành ngành. Ngoài ra, các ngành chế biến nông sản cũng có tốc độ tăng trưởng rất nhanh, đặc biệt chế biến gỗ. Các mặt hàng cà phê, hạt điều, gạo... phải tập trung đầu tư công nghệ cao để nâng tỷ trọng chế biến, các ngành này cũng đạt được giá trị xuất khẩu hàng tỷ đô la và có nhiều tiềm năng.

Riêng công nghệ sinh học, tập trung đầu tư trang thiết bị công nghệ thật hiện đại cho các phòng thí nghiệm để tập trung nghiên cứu chủ yếu về giống - cây - con. Nếu làm chủ công nghệ này có nghĩa là thành phố đã tạo ra một bước ngoặt vĩ đại trong cách mạng nông lâm ngư nghiệp, có ý nghĩa cực kỳ to lớn, giảm tỷ trọng khu vực I trong cơ cấu ngành kinh tế, song gia tăng tổng sản lượng, đóng góp rất lớn về chất và lượng các sản phẩm cùng ngành này cho tiến trình hiện đại hóa kinh tế thành phố.

Một vấn đề nữa, thành phố phải lưu ý tới đó là công nghệ cơ điện - tự động, ngoài việc phục vụ đặc lực cho các ngành dệt - may - da giày, hóa công nghiệp, chế biến nông sản - thực phẩm, đổi mới hệ thống công nghệ thông qua từng khâu cần tập trung đổi mới như:

- Đầu tư dây chuyền máy móc thiết bị.

- Cải tiến dây chuyền công nghệ.

- Nghiên cứu thiết kế sản phẩm mới.

- Bố trí lại tổ chức sản xuất.

Chúng ta cần tập trung đầu tư nghiên cứu công nghệ mới và hiện đại về cơ - điện tự động phối hợp lẫn sóng công nghệ - viễn thông, Internet thế hệ 3, hình thành nền kinh tế số có nhiều lợi nhuận cao, có ưu thế cạnh tranh và có thể phát triển theo nhiều cấp độ, qui mô khác nhau, dựa trên nguyên tắc phân công lao động quốc tế trong bối cảnh thị trường hội nhập toàn cầu. Do đó theo tôi, TP.HCM thừa khả năng nguồn lực, song thiếu cơ chế, giải pháp đồng bộ để thực hiện nó ■